



THANH TRA CHÍNH PHỦ



CẨM NANG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

**DÀNH CHO BAN THANH TRA NHÂN DÂN
VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

CẨM NANG
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT
NHÂN CÔNG SẢN TIÊU TẠI NHÀ MÁY
VÀ NHÀ MÁY SÁT DẦU TƯ CẬP CÔNG NGHỆ
Ở XÃ, PHÒNG, TỈNH TUYÊN

Cẩm nang này được thực hiện trong khuôn khổ các hoạt động năm 2015 của Dự án “Tăng cường năng lực thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và vai trò của các chủ thể ngoài khu vực nhà nước nhằm hỗ trợ công tác phòng, chống tham nhũng của Chính phủ Việt Nam” (viết tắt là AC-UNCAC). Một trong ba mục tiêu của Dự án là phát huy vai trò, sự tham gia của công chúng, tổ chức xã hội và các cơ quan truyền thông trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.



CẨM NANG

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

**DÀNH CHO BAN THANH TRA NHÂN DÂN
VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

CHỦ BIÊN

TS. Nguyễn Tuấn Khanh

Phó Viện trưởng, Viện Khoa học Thanh tra

THAM GIA BIÊN SOẠN

TS. Phạm Thị Huệ

Phó Trưởng phòng, Viện Khoa học Thanh tra

ThS. Đào Thị Thu Hà

Nghiên cứu viên, Viện Khoa học Thanh tra

Sách được xuất bản trong khuôn khổ
Chương trình AC-UNCAC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU.....	1
PHẦN I: KHÁI QUÁT VỀ THANH TRA NHÂN DÂN VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG.....	3
A. Khái quát chung.....	3
B. Thanh tra nhân dân.....	4
C. Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	6
PHẦN II: THÀNH LẬP, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ QUYỀN CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG.....	9
A. Việc thành lập Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	9
I. Nguyên tắc thành lập Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ.....	9
II. Thành lập Ban TTND.....	10
III. Thành lập Ban GSĐTCCĐ.....	13
B. Đối tượng, phạm vi giám sát của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng....	16
C. Quyền của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	19
I. Quyền của Ban TTND.....	19
II. Quyền của Ban GSĐTCCĐ.....	21
PHẦN III: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁM SÁT, TIẾN HÀNH GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT.....	23
A. Xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm.....	23
I. Lập Dự thảo Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ.....	23
II. Gửi xin ý kiến Ban Thường trực Ủy ban MITQ xã	29
III. Hoàn chỉnh Kế hoạch giám sát và Dự toán kinh phí.....	29
IV. Thông qua Kế hoạch giám sát.....	29

B. Tiến hành giám sát	29
I. Thu thập văn bản, thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát	30
II. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý	36
III. Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát	37
C. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát	37
I. Chế độ báo cáo của Ban TTND	35
II. Chế độ báo cáo của Ban GSDTCCD	36
PHẦN IV: NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA BAN THANH TRẦN NHÂN DÂN	42
A. Giám sát chung về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất đạo đức của người có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn	42
I. Giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND cấp xã	42
II. Giám sát hoạt động và phẩm chất đạo đức của những người có trách nhiệm ở cơ sở	44
III. Giám sát việc thực hiện các kết luận, quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	46
B. Giám sát việc thực hiện pháp luật ở cơ sở trên những lĩnh vực cụ thể	46
I. Giám sát hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn	46
II. Giám sát các hoạt động thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở	57
III. Giám sát việc quản lý trật tự xây dựng và quản lý, sử dụng đất	58

PHẦN V: NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG	66
A. Nhiệm vụ giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	66
B. Nội dung giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đối với các dự án đầu tư.....	67
I. Giám sát đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước.....	68
II. Giám sát đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác.....	69
III. Giám sát đối với các dự án đầu tư của xã.....	70
IV. Những vấn đề cần lưu ý khi Ban GSĐTCCĐ tiến hành hoạt động giám sát trong một số trường hợp cụ thể.....	72
PHẦN VI: KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁC NHÂN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG	78
A. Kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	78
I. Kinh phí hoạt động của Ban TTND.....	78
II. Kinh phí hoạt động của Ban GSĐTCCĐ.....	79
B. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.....	80
I. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban TTND.....	81
II. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban GSĐTCCĐ.....	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Tên/ cụm từ đầy đủ
GSĐTCCĐ	Giám sát đầu tư của cộng đồng
HĐND	Hội đồng nhân dân
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
TTND	Thanh tra nhân dân
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI NÓI ĐẦU

Ban Thanh tra nhân dân (viết tắt là Ban TTND) và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (viết tắt là Ban GSĐTCCĐ) là các thiết chế xã hội ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có vai trò quan trọng trong thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhất là đối với hoạt động của chính quyền xã, phường, thị trấn. Thời gian qua, các Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ ở nhiều địa phương đã phát huy vai trò của mình, thực hiện giám sát có hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa, phát hiện những sai phạm trong quá trình thực hiện pháp luật ở cơ sở và việc triển khai các dự án đầu tư ở địa phương, đóng góp tích cực vào công cuộc phòng, chống tham nhũng tiêu cực, phát huy quyền làm chủ, tham gia quản lý xã hội của người dân.

Mặc dù vậy, tổ chức và hoạt động của các Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ hiện nay đang gặp không ít khó khăn, vướng mắc làm giảm vai trò giám sát của các tổ chức này. Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là các Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ được thành lập và hoạt động theo nhiệm kỳ. Các thành viên của hai Ban có sự thay đổi thường xuyên, thiếu sự ổn định, việc tập huấn các kỹ năng giám sát chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Để hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ có hiệu quả, phát huy vai trò của hai tổ chức này nói riêng và hoạt động giám sát của xã hội nói chung trong giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở và việc triển khai các dự án ở địa phương đòi hỏi những thành viên của các Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ phải được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động giám sát.

Được sự hỗ trợ của Dự án AC-UNCAC, Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ đã phối hợp với các chuyên gia xây dựng cuốn ***“Cẩm nang hoạt động giám sát – Dành cho Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn”*** nhằm góp phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và kỹ năng cần thiết để tiến hành các hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn Cẩm nang sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích đối với Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ tại các xã, phường, thị trấn.

Xin trân trọng giới thiệu!

Hà Nội, tháng 03 năm 2016
THANH TRƯA CHÍNH PHỦ
VIỆN KHOA HỌC THANH TRƯA

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ THANH TRA NHÂN DÂN VÀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Hoạt động TTND và GSĐTCCĐ là hoạt động giám sát của xã hội đối với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nói chung nên không mang tính quyền lực nhà nước, không phải là hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước. Tại xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã), Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ được thành lập và tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ giám sát đối với hoạt động của HĐND, UBND cấp xã và giám sát đối với việc thực hiện các dự án đầu tư liên quan đến lợi ích của cộng đồng tại cơ sở.

Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ được thành lập nhằm bảo đảm để người dân trên địa bàn xã thực hiện quyền giám sát của mình: *Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban TTND, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng*¹. Theo quy định của pháp luật, công dân thực hiện giám sát trên cơ sở các thông tin được công khai, phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan thông qua Ủy ban MTTQ xã, hoặc các tổ chức thành viên của Ủy ban MTTQ xã, hoặc Ban TTND hoặc Ban GSĐTCCĐ.

Việc thành lập Ban TTND là bắt buộc đối với tất cả các xã. Riêng đối với Ban GSĐTCCĐ thì không bắt buộc phải thành lập ở tất cả các xã. Pháp luật quy định Ban TTND có

¹ Khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

thể đảm nhận nhiệm vụ GSDTCCĐ nếu có đủ số thành viên cần thiết để tổ chức thực hiện GSDTCCĐ và các thành viên này đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban GSDTCCĐ. Đồng thời, Ban TTND phải có văn bản chính thức gửi Ủy ban MTTQ cấp xã, khẳng định đồng ý đứng ra tổ chức thực hiện GSDTCCĐ.

Trường hợp Ban TTND không có văn bản chính thức khẳng định đồng ý đứng ra tổ chức thực hiện GSDTCCĐ thì Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã đứng ra tổ chức bầu Ban GSDTCCĐ. Theo ước tính, hiện nay, có khoảng hơn 80% số xã, phường, thị trấn không có Ban GSDTCCĐ mà hoạt động GSDTCCĐ do Ban TTND đảm nhận.

Trong hoạt động giám sát, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ phải tuân theo hai yêu cầu sau:

Thứ nhất, giám sát đúng đối tượng, phạm vi và nội dung theo quy định.

Thứ hai, hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSDTCCĐ không được gây cản trở công việc của các đối tượng chịu sự GSDTCCĐ.

B. THANH TRA NHÂN DÂN

Thanh tra nhân dân là hình thức giám sát của nhân dân thông qua Ban TTND đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước. Tuy tên gọi gắn với cụm từ “thanh tra” nhưng TTND được phân biệt so với hoạt động “thanh tra nhà nước”. Thanh tra nhà nước là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo

trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ban TTND được thành lập ở xã, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước. Ban TTND không nằm trong hệ thống các cơ quan có chức năng thanh tra.

Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định việc thành lập và nhiệm vụ của các Ban TTND. Vai trò chủ yếu của Ban TTND nhằm góp phần phát huy dân chủ, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức và của cộng đồng.

Tổ chức và hoạt động của các Ban TTND ở xã hiện nay được thực hiện theo các quy định pháp luật trong những văn bản pháp luật sau đây:

- Luật Thanh tra năm 2010;
- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2007 và năm 2012);
- Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;
- Nghị định 99/2005/NĐ-CP ngày 28/07/2005 của chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

² Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 8 Điều 3 Luật Thanh tra năm 2010

- Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng;
- Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT/BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

C. GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Giám sát đầu tư của cộng đồng là hoạt động tự nguyện của dân cư sinh sống trên địa bàn xã, phường, thị trấn nhằm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình đầu tư; phát hiện, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đầu tư (trừ các chương trình, dự án bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật).

Mục đích của hoạt động GSĐTCCĐ là để bảo đảm cho việc thực hiện các chương trình, dự án, công trình xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo đúng quy định của pháp luật, đúng mục tiêu, đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, thất thoát, ảnh hưởng tiêu cực đến lợi ích chung của cộng đồng. Với mục đích đó, Ban GSĐTCCĐ thực hiện theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý

³ Khoản 10 Điều 2 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư

đầu tư ở cơ sở, từ đó có thể phát hiện, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các việc làm vi phạm pháp luật để kịp thời ngăn chặn và xử lý nhằm bảo vệ lợi ích của cộng đồng.

Theo quy định hiện hành thì Ban GSĐTCCĐ là một trong 11 chủ thể thực hiện việc giám sát và đánh giá đầu tư. Với vai trò, nhiệm vụ của mình, Ban GSĐTCCĐ thực hiện các hoạt động giám sát cụ thể như:

- Giám sát việc chuẩn bị đầu tư;
- Giám sát việc đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- Giám sát tiến độ thực hiện đầu tư;
- Giám sát việc cấp vốn đầu tư;
- Giám sát việc làm xâm hại lợi ích cộng đồng;
- Giám sát tác động môi trường;
- Giám sát việc quản lý, vận hành công trình;
- Giám sát thi công, chất lượng công trình;

Giám sát việc nghiệm thu, bàn giao công trình...

Tổ chức và hoạt động của Ban GSĐTCCĐ hiện nay được thực hiện theo các quy định trong những văn bản pháp luật sau đây:

- Luật Đầu tư công số năm 2014;
- Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;
- Quyết định 80/2005/QĐ-TTg ngày 8/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế GSĐTCCĐ;
- Thông tư liên tịch số 04/2006/BKHĐT - UBTW MTTQVN - BTC ngày 4/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban MTTQ Việt Nam và Bộ Tài chính

về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ
- TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc
ban hành Quy chế GSEDCCĐ.

CÂU HỎI:

Câu 1. Bản chất hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSEDCCĐ ở xã, phường, thị trấn là gì?

Câu 2. Hoạt động của Ban TTND và Ban GSEDCCĐ ở xã, phường, thị trấn được thực hiện dựa trên những văn bản pháp luật nào?

PHẦN II

VIỆC THÀNH LẬP, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ QUYỀN CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

A. THÀNH LẬP BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. Nguyên tắc thành lập Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ

Việc thành lập Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ phải tôn trọng ý kiến của nhân dân. Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã quy định việc bầu, bãi nhiệm thành viên Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ là một nội dung nhân dân phải được bàn, biểu quyết. Trên cơ sở kết quả nhân dân bầu ra thành viên Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phải xem xét, công nhận kết quả bầu đó.

Việc thành lập Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ trước hết phải tuân thủ hai nguyên tắc cơ bản sau đây:

Một là, nhân dân bàn, biểu quyết bầu thành viên Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ:

Nhân dân phải được bàn, biểu quyết bầu thành viên Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ bằng cách tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng thôn, tổ dân phố hoặc phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Trường hợp tổ chức họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình thì việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do hội nghị quyết định.

Nếu số người tán thành chưa đạt quá 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố thì

tổ chức lại cuộc họp. Trường hợp không tổ chức lại được cuộc họp thì phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình. Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Ủy ban MTTQ cấp xã công nhận.

Hai là, Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ do Ủy ban MTTQ cấp xã công nhận.

Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày bầu xong thành viên các ban nói trên, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã tổ chức cuộc họp với các thành viên để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, trình hội nghị Ủy ban MTTQ cấp xã ra Nghị quyết công nhận Ban TTND, Ban GSĐTCCĐ và thông báo cho HĐND, UBND cấp xã trong phiên họp gần nhất và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

II. Thành lập Ban TTND

Ban TTND hoạt động với nhiệm kỳ 02 năm.

1. Số lượng thành viên Ban TTND

Ban TTND có từ 5 đến 11 thành viên, tùy thuộc vào số lượng dân cư trên địa bàn xã. Sau khi xác định được số thành viên Ban TTND ở xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã xác định số lượng thành viên cụ thể mà các thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu.

Cụ thể như sau:

➤ Đối với những xã ở đồng bằng:

- Nếu xã có số dân dưới 5 nghìn người thì được bầu 5 hoặc 7 thành viên;
- Nếu xã có số dân từ 5 nghìn người đến dưới 9 nghìn người thì được bầu 7 hoặc 9 thành viên;
- Nếu xã có số dân từ 9 nghìn người trở lên thì được bầu 9 hoặc 11 thành viên.

- Đối với những xã ở miền núi, trung du và hải đảo thì mỗi thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu 1 thành viên, nhưng số lượng thành viên Ban TTND không quá 11 người.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban TTND

Người được dự kiến bầu là thành viên Ban TTND phải đáp ứng hai điều kiện sau:

Thứ nhất, là người trung thực, công tâm, có uy tín, có hiểu biết nhất định về chính sách, pháp luật, tự nguyện tham gia Ban TTND.

Thứ hai, là người thường trú tại địa bàn xã và không phải là người đương nhiệm trong HĐND, UBND cấp xã; không phải là Trưởng thôn, Phó thôn, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân phố và những người đang đảm nhận nhiệm vụ tương đương.

3. Bầu thành viên Ban TTND

Việc bầu thành viên Ban TTND theo trình tự gồm ba bước sau:

Bước 1: Căn cứ số lượng thành viên Ban TTND theo quy định, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã xác định số lượng thành viên Ban TTND mà thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu.

Bước 2: Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố để bầu thành viên Ban TTND.

Trong quá trình bầu thành viên Ban TTND tại Hội nghị cần lưu ý:

- Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt;

- Tại Hội nghị, đại biểu tham dự có quyền đề cử người để bầu thành viên Ban TTND. Thành viên
- Ban TTND được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu tham dự hội nghị;

Hội nghị quyết định việc bầu thành viên Ban TTND thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Người được bầu phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm.

Bước 3: Trưởng ban công tác Mặt trận báo cáo kết quả bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã đề trình Ủy ban MTTQ cấp xã ra Nghị quyết công nhận.

4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban TTND

Bãi nhiệm thành viên Ban TTND: Thành viên Ban TTND bị bãi nhiệm trong nhiệm kỳ nếu:

- Không hoàn thành nhiệm vụ;
- Vi phạm pháp luật hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm.

Khi đó, Ủy ban MTTQ cấp xã đề nghị Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

Miễn nhiệm thành viên Ban TTND: Thành viên Ban TTND bị miễn nhiệm trong nhiệm kỳ nếu:

- Vì lý do sức khỏe;
- Hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác.

Thành viên Ban TTND làm đơn xin thôi tham gia Ban TTND. Khi đó, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã trình Hội nghị Ủy ban MTTQ cấp xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

Lưu ý:

Khi có thành viên Ban TTND bị bãi nhiệm hoặc được miễn nhiệm mà cần bầu thay thế thì phải tổ chức bầu theo trình tự bầu thành viên Ban TTND như khi thành lập.

III. Thành lập Ban GSDTCCĐ

Ban GSDTCCĐ hoạt động theo nhiệm kỳ là 2 năm và có thể giải thể trước thời hạn trong hai trường hợp sau:

Một là, không còn dự án đang thực hiện đầu tư trên địa bàn xã và việc vận hành (khai thác) các dự án đã đầu tư trên địa bàn xã không tiềm ẩn các yếu tố xâm hại lợi ích cộng đồng, hoặc gây mất an toàn, an ninh và trật tự xã hội, hoặc gây ô nhiễm môi trường.

Hai là, theo kiến nghị của Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình của đa số các thôn có đại diện trong Ban GSDTCCĐ.

Lưu ý:

Để giám sát hoạt động *đầu tư công* (là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội⁴) thì Ủy ban MTTQ cấp xã phải chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan thành lập Ban GSDTCCĐ cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban GSDTCCĐ ít nhất là 5 người, gồm đại diện Ủy ban MTTQ cấp xã, TTND và đại diện người dân trên địa bàn. Đây là nội dung mới được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 83 Luật Đầu tư công và Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

⁴ Khoản 15 Điều 4 Luật Đầu tư công

1. Số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ

Ban GSĐTCCĐ có từ 5 đến 9 thành viên. Cụ thể như sau:

- Đối với những xã đồng bằng có số dân dưới 8 nghìn người được bầu tối đa 7 thành viên, từ 8 nghìn người trở lên được bầu 9 thành viên.
- Đối với các xã trung du, miền núi, hải đảo, mỗi thôn, làng, ấp, bản được bầu 1 thành viên, nhưng số lượng thành viên của Ban GSĐTCCĐ không vượt quá 9 người.

Căn cứ số dự án đầu tư và đặc điểm địa bàn xã, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã xác định số lượng thành viên Ban GSĐTCCĐ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban GSĐTCCĐ

Một người dự kiến được bầu làm thành viên Ban GSĐTCCĐ phải đáp ứng hai điều kiện sau:

Thứ nhất, là người trung thực, công tâm, có uy tín, có hiểu biết về chính sách, pháp luật, tự nguyện tham gia BGĐTCCĐ và có sức khỏe.

Thứ hai, phải là người có hộ khẩu và đang thường trú tại xã; không phải là người đương nhiệm (trong Thường trực HĐND, UBND cấp xã, Trưởng thôn, Phó thôn hoặc những người đang đảm nhận nhiệm vụ tương đương); không có người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, con, cháu ruột, vợ hoặc chồng) là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, hoặc chủ đầu tư, hoặc nhà thầu dự án đầu tư trên địa bàn xã.

3. Bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ

Việc bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã lựa chọn và cử một đại diện tham gia Ban GSĐTCCĐ nếu có

thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện; xác định danh sách các thôn được bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Bước 2: Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn tổ chức Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình để bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Trong quá trình bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ tại Hội nghị cần lưu ý:

- Thành viên Ban GSĐTCCĐ được bầu theo giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu tham dự Hội nghị. Thành viên Ban GSĐTCCĐ được bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.
- Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt. Người được bầu phải có trên 50% số đại biểu tham dự Hội nghị tín nhiệm.

Bước 3: Trưởng ban công tác Mặt trận báo cáo kết quả bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã để trình Ủy ban MTTQ cấp xã ra Nghị quyết công nhận.

4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ và bầu người thay thế

Bãi nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ: Thành viên Ban GSĐTCCĐ bị bãi nhiệm trong nhiệm kỳ nếu:

- Không hoàn thành nhiệm vụ;
- Vi phạm pháp luật;
- Không được nhân dân tín nhiệm.

Trong trường hợp này, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã đề nghị Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và

bầu người khác thay thế. Trình tự thủ tục bãi nhiệm áp dụng tương tự như bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ.

Miễn nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ: Thành viên Ban GSĐTCCĐ được miễn nhiệm nếu:

- Thực tế không còn thỏa mãn các điều kiện của thành viên thành viên Ban GSĐTCCĐ;
- Vì sức khỏe, hoặc vì hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác.

Để miễn nhiệm thành viên Ban GSĐTCCĐ thì sau khi nhận được đơn xin thôi tham gia, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã trình Hội nghị Ủy ban MTTQ xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

Lưu ý:

Khi có thành viên Ban GSĐTCCĐ bị bãi nhiệm hoặc được miễn nhiệm mà cần bầu thay thế thì phải tổ chức bầu theo trình tự bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ như khi thành lập.

B. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI GIÁM SÁT CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. Đối tượng, phạm vi giám sát của Ban TTND

Đối tượng trực tiếp chịu sự giám sát của Ban TTND là HĐND, UBND và cán bộ, công chức cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các chức danh khác là những người có trách nhiệm ở địa phương.

Điều 13 Nghị định 99/2005/NĐ-CP xác định phạm vi giám sát của Ban TTND bao gồm 12 nội dung sau:

- Hoạt động của HĐND và UBND cấp xã.
- Việc thực hiện nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND cấp xã.

- Hoạt động và phẩm chất đạo đức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã và các ủy viên UBND, cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn và Trưởng thôn, Phó thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương.
- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn, bao gồm:
 - Việc tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp xã;
 - Việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo của Chủ tịch UBND cấp xã;
 - Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã;
 - Việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật tại xã, phường, thị trấn.
- Việc thu chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn.
- Việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn.
- Các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân.
- Việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn.
- Thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn.

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ xã, phường, thị trấn.
- Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với đất nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.
- Những việc khác theo quy định của pháp luật.

II. Đối tượng, phạm vi giám sát của Ban GSĐTCCĐ.

1. Đối tượng giám sát của Ban GSĐTCCĐ

Ban GSĐTCCĐ giám sát 3 nhóm đối tượng sau:

Thứ nhất, cơ quan quyết định đầu tư.

Thứ hai, chủ đầu tư (gồm cả Ban Quản lý dự án).

Thứ ba, các nhà thầu, bao gồm: Các nhà thầu tư vấn, nhà thầu giám sát thi công, nhà thầu xây lắp, nhà thầu cung cấp thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu,... của dự án.

Lưu ý:

Ban GSĐTCCĐ không giám sát tất cả các các nội dung liên quan đến việc triển khai các chương trình, dự án mà tùy theo từng chương trình, dự án, Ban GSĐTCCĐ được giao nhiệm vụ giám sát những nội dung cụ thể.

2. Phạm vi giám sát của Ban GSĐTCCĐ

Ban GSĐTCCĐ chỉ tập trung vào 3 loại chương trình, dự án sau:

Một là, giám sát đối với chương trình, dự án không thuộc diện bí mật quốc gia theo quy định của pháp luật, có ảnh hưởng trực tiếp tới cộng đồng trên địa bàn của xã bao

gồm các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư sử dụng vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản nhà nước, giá trị quyền sử dụng đất, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước (gọi chung là Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước).

Hai là, giám sát đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác (như vốn của doanh nghiệp, vốn của nhà đầu tư...).

Ba là, giám sát đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã (gọi chung là Dự án đầu tư của xã).

C. QUYỀN CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

I. Quyền của Ban TTND

Theo quy định tại Điều 1 Nghị định 99/2005/NĐ-CP, Ban TTND có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã trong việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.
- Khi cần thiết được Chủ tịch UBND cấp xã giao xác minh những vụ việc nhất định.
- Khi cần thiết, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời đại diện Ban TTND tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại xã, phường, thị trấn; Ban TTND có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cử người tham gia

khi được yêu cầu.

- Kiến nghị Chủ tịch UBND cấp xã khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; báo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
- Kiến nghị với Ủy ban MTTQ xã tổ chức các hình thức động viên nhân dân phát hiện các sai phạm; tiếp nhận các kiến nghị và phản ánh của nhân dân. Được mời tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND cấp xã mà nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban TTND.
- Tham dự các cuộc họp của Ủy ban MTTQ xã mà nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban TTND.
- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

Trong hoạt động của mình, Ban TTND thực hiện quyền giám sát theo các cách thức sau:

Thứ nhất, tiếp nhận các ý kiến phản ánh của nhân dân, trực tiếp thu thập các thông tin, tài liệu để xem xét, theo dõi cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã thực hiện những việc thuộc phạm vi giám sát của Ban TTND.

Thứ hai, phát hiện hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở xã.

Thứ ba, kiến nghị trực tiếp hoặc thông qua Ban thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã kiến nghị với Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến nội dung giám sát của Ban TTND và giám sát việc giải quyết kiến nghị đó.

II. Quyền của Ban GSDTCCĐ

Theo Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP, Ban GSDTCCĐ có các quyền sau:

Một là, quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu:

- Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư, thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã, ngoài các nội dung trên, chủ chương trình, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư, kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Hai là, kiến nghị các cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án trong các trường hợp sau:

- Phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa - xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng;
- Chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Ba là, phản ánh với các cơ quan nhà nước về kết quả GSDTCCĐ và kiến nghị biện pháp xử lý.

CÂU HỎI:

Câu 1. Ban TTND và Ban GSDTCCĐ được thành lập như thế nào?

Câu 2. Yêu cầu, điều kiện đối với thành viên Ban TTND và Ban GSDTCCĐ là gì?

Câu 3. Đối tượng, phạm vi giám sát và quyền hạn của Ban TTND trong thực hiện giám sát được quy định như thế nào?

Câu 4. Đối tượng, phạm vi giám sát và quyền hạn của Ban GSDTCCĐ được quy định như thế nào?

PHẦN III

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁM SÁT, TIẾN HÀNH GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSEDCCĐ được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch giám sát hằng năm.

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁM SÁT HẰNG NĂM

Hằng năm, căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, chương trình hành động và sự chỉ đạo của Ủy ban MTTQ Việt Nam, Ban TTND và Ban GSEDCCĐ phải xây dựng Kế hoạch giám sát.

Kế hoạch hằng năm của Ban TTND và Ban GSEDCCĐ cần xác định rõ phương hướng, nội dung hoạt động, căn cứ vào yêu cầu của cộng đồng về giám sát đối với hoạt động của chính quyền cơ sở và các dự án đầu tư trên địa bàn xã. Thứ tự công việc cần thực hiện bao gồm:

Bước 1: Lập Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ.

Bước 2: Gửi xin ý kiến Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã về Kế hoạch hoạt động giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ.

Bước 3: Hoàn chỉnh lại Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ theo góp ý của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã.

Bước 4: Thông qua Kế hoạch giám sát

I. Lập Dự thảo Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ

Tùy theo tình hình và yêu cầu thực tế của địa phương, Dự thảo Kế hoạch giám sát của Ban TTND và Ban GSEDCCĐ phải xác định rõ:

- Danh mục các dự án đầu tư của xã;
- Danh mục các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước;
- Danh mục các dự án đầu tư bằng các nguồn vốn khác.

Trong từng danh mục cần xác định được cụ thể đối tượng, nội dung giám sát, lực lượng tham gia, thời gian thực hiện, kinh phí, điều kiện vật chất cần hỗ trợ cho hoạt động giám sát....

Những nội dung giám sát cụ thể trong Kế hoạch hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ có thể lập theo dạng bảng như sau:

Stt	Hoạt động giám sát của thực hiện	Người chủ trì thực hiện	Thời gian thực hiện	Kết quả dự kiến	Tổ chức/ cá nhân phối hợp	Nguồn lực, kinh phí hỗ trợ cần có
1						

Riêng đối với nội dung GSĐTCCĐ, căn cứ yêu cầu của cộng đồng về giám sát đối với các dự án đầu tư trên địa bàn xã; điều kiện phương tiện, vật chất hiện có và năng lực thực tế; Ban TTND (trường hợp không thành lập Ban GSĐTCCĐ) hoặc Ban GSĐTCCĐ lập Kế hoạch GSĐTCCĐ cho năm sau theo trình tự sau đây:

- Xác định danh mục các dự án cần thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng (tham khảo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMITQVN -TC ngày 04/12/2006), gồm:

- Danh mục các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước;
- Danh mục các dự án đầu tư bằng các nguồn vốn khác;
- Danh mục các dự án đầu tư của xã.

Lưu ý:

Mỗi một nội dung giám sát của từng dự án phải được thể hiện cụ thể thời gian giám sát, người chủ trì, người phối hợp. Có thể lập theo dạng bảng như sau:

Bảng 1: Giám sát Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

Số t	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đến từ giải phóng mặt bằng, tái định cư; tiền độ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích công đồng, tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Theo dõi, xem xét việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư.
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Dự án trạm cấp nước sinh hàng thủy	- Thời gian bắt đầu: - Ông A chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông B chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông C chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông D chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông Đ chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:

Bảng 2: Giám sát Dự án đầu tư từ nguồn vốn khác

Số tt	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chi giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đến bỏ giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiến độ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Theo dõi, xem xét việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)
Số tt	Dự án nhà máy chế biến thức ăn gia súc của Công ty TNHH Phương Đông	- Thời gian bắt đầu: - Ông A chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông B chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông C chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông D chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:

Bảng 3: Giám sát Dự án đầu tư của xã

Số tt	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chi giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đảm bảo giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiền đổ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng; tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Xem xét việc thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình đầu tư	Theo dõi, kiểm tra việc triển thứ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chúng loại vật tư	Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiên thứ và quyết toán công trình
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Xây dựng trường; Mâm non	- Thời gian bắt đầu: - Ông A chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông B chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông C chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông D chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông E chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông E chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:	- Thời gian bắt đầu: - Ông G chủ trì - Người hỗ trợ - Thời gian báo cáo kết quả:

II. Gửi xin ý kiến Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã

Sau khi lập Dự thảo Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ gửi Kế hoạch và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động giám sát xin ý kiến Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã.

III. Hoàn chỉnh Kế hoạch giám sát và Dự toán kinh phí

Sau khi có ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ hoàn chỉnh lại Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

IV. Thông qua Kế hoạch giám sát

Ban TTND, Ban GSDTCCĐ gửi Kế hoạch hoạt động giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện kế hoạch cho Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã. Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã chủ trì tổ chức làm việc với đại diện của UBND cấp xã và Ban TTND, Ban GSDTCCĐ để bàn và thống nhất về Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã, UBND cấp xã và Trưởng Ban TTND, Ban GSDTCCĐ xã cùng ký xác nhận vào Kế hoạch giám sát và Bảng dự toán kinh phí hỗ trợ thực hiện kế hoạch (cho năm sau) để trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cấp kinh phí hỗ trợ thực hiện Kế hoạch giám sát theo quy định.

B. TIẾN HÀNH GIÁM SÁT

Sau khi Kế hoạch giám sát hằng năm được thông qua, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ tiến hành các hoạt động giám sát theo từng nội dung cụ thể được thể hiện trong Kế hoạch.

Khi tiến hành giám sát với mỗi nội dung cụ thể, thành viên Ban TTND và Ban GSDTCCĐ phải thực hiện các hoạt động sau:

Thứ nhất, thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

Thứ hai, theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và đưa ra kiến nghị.

Thứ ba, thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát.

I. Thu thập văn bản, thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát

Thông tin, tài liệu cần thu thập gồm: (i) các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (ii) thông tin, tài liệu đã được công khai; (iii) thông tin, tài liệu, ý kiến trả lời, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; (iv) ý kiến, phản ánh, kiến nghị của nhân dân.

1. Thu thập các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Tùy thuộc vào nội dung giám sát, thành viên Ban TTND và Ban GSDTCCĐ thu thập các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Ngân sách nhà nước... và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Thu thập thông tin, tài liệu đã được công bố công khai

Để thu thập các thông tin, tài liệu đã được công khai, Ban TTND, Ban GSDTCCĐ có thể khai thác từ các nguồn thông tin sau:

- Các ấn phẩm đã được phát hành;
- Báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng;
- Các văn bản gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Trang thông tin điện tử của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Các tài liệu được công bố tại cuộc họp;
- Tài liệu niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan.

Theo quy định của pháp luật, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện công khai các hoạt động của mình (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước) trong những lĩnh vực cụ thể. Khi tiến hành giám sát, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ cần thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát tương ứng.

Có thể khái quát nội dung thông tin, tài liệu phải công khai trong một số lĩnh vực cụ thể như sau:

a. Trong lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Quy chế, quy trình, thủ tục tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;
- Quyết định giải quyết khiếu nại;
- Kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

b. Trong lĩnh vực thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Công khai việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với cấp xã; các khoản huy động nhân dân đóng góp;
- Công khai chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ bảo hiểm y tế;

- Công khai đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền cấp xã trực tiếp thu.

c. Trong lĩnh vực quản lý dự án đầu tư xây dựng

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội; các mục tiêu, dự kiến kết quả, các nhóm hoạt động chính và đối tượng thụ hưởng trong quá trình lập dự án;
- Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện dự án;
- Báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả thực hiện dự án, báo cáo đánh giá thực hiện dự án và báo cáo kết thúc dự án.

d. Trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ quan, tổ chức thực hiện việc lập quy hoạch, kế hoạch đó phải công khai cho nhân dân địa phương nơi được quy hoạch, điều chỉnh biết;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, mức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt hoặc điều chỉnh;
- Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy hoạch chi tiết và việc phân lô đất ở, đối tượng được giao đất làm nhà ở;
- Các khoản thu tài chính cho ngân sách nhà nước từ việc quản lý, sử dụng đất và các khoản miễn, giảm tiền sử dụng đất, thuê đất.

d. Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp giấy phép hành nghề, mã số quản lý chất thải;
- Trình tự, thủ tục thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Quy hoạch thu gom, tái chế, xử lý chất thải.

e. Trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng

Cùng với thực hiện việc công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức đơn vị theo quy định tại *Mục I, Chương II, Luật Phòng, chống tham nhũng* thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng và Bản kê khai tài sản, thu nhập.

Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc. Người có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức quyết định việc công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp hoặc niêm yết bản kê khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 3 hằng năm. Trường hợp công khai bằng hình thức niêm yết thì phải bảo đảm thời gian tối thiểu là ba mươi ngày liên tục.

g. Trong lĩnh vực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Các thông tin, tài liệu phải công khai gồm:

- Dự toán, phân bổ, điều chỉnh dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước của cơ quan; các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước;
- Đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản trong cơ quan;

- Các khoản thu vào ngân sách, huy động vốn cho ngân sách; các quỹ có nguồn huy động đóng góp trong và ngoài nước;
 - Kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch, danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư, kế hoạch và hoạt động khai thác tài nguyên;
 - Định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan quy định hoặc áp dụng thực hiện; quy chế quản lý tài chính, chỉ tiêu nội bộ của cơ quan;
 - Kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm; hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí;
 - Quy trình, thủ tục giải quyết công việc với tổ chức, cá nhân;
- Lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

3. Trực tiếp thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát

Ban TTND, Ban GSDTCCĐ trực tiếp thu thập thông tin, tài liệu nhằm xem xét, giám sát các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện trách nhiệm tại xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi giám sát của mình. Pháp luật quy định Ban TTND và Ban GSDTCCĐ có các quyền cụ thể khi tiến hành các hoạt động giám sát, trong số đó có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu được quy định rõ tại Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP. Cụ thể là:

- Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết

các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp và kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;

- Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư: Quyết định đầu tư, thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

Lưu ý:

Đối với các chương trình, dự án đầu tư có nguồn vốn và công sức của cộng đồng, dự án sử dụng ngân sách cấp xã hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã thì ngoài các nội dung trên, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

4. Thu thập ý kiến, phản ánh, kiến nghị của nhân dân

Ý kiến, phản ánh, kiến nghị của nhân dân là những thông tin liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng chịu sự giám sát do nhân dân phản ánh. Các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của nhân dân có các dạng chủ yếu sau:

- Ý kiến, kiến nghị, phản ánh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND cấp xã;

- Ý kiến, kiến nghị, phản ánh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, tư cách đạo đức của cán bộ, công chức cấp xã;
- Ý kiến, kiến nghị, phản ánh về việc làm xâm hại lợi ích của cộng đồng, gây ô nhiễm môi trường, gây mất an toàn, trật tự, an ninh xã hội;
- Ý kiến, kiến nghị, phản ánh về các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, dự án đầu tư tại xã có việc gây lãng phí, thất thoát vốn đầu tư, không đảm bảo tiêu chuẩn về vật tư, chất lượng công trình theo quy định....

II. Theo dõi, kiểm tra, phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý

Mục đích của hoạt động giám sát là theo dõi, xem xét, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của đối tượng giám sát, phát hiện những mâu thuẫn, sự bất hợp lý, những vi phạm đã xảy ra cần phải bị xử lý, những tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục.

Để theo dõi, kiểm tra, xem xét, đánh giá trách nhiệm của đối tượng giám sát thì Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ phải tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, dựa trên những thông tin, tài liệu đã thu thập được, tiến hành so sánh, đối chiếu tình hình thực tế với quy định của pháp luật hiện hành để kịp thời phát hiện, xác định những yếu tố bất hợp lý, mâu thuẫn, những hành vi vi phạm, tổng hợp, báo cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Lưu ý:

Riêng đối với GSĐTCCĐ, việc phân tích, xử lý thông tin, theo dõi, kiểm tra, xem xét, đánh giá và kiến nghị xử lý đối với trách nhiệm của đối tượng giám sát phải căn cứ

vào từng loại dự án cụ thể. Tùy thuộc vào mỗi dự án, khi tiến hành GSDTCCĐ sẽ lựa chọn để thực hiện giám sát các nội dung cụ thể.

III. Thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân và theo dõi việc chấp hành của các đối tượng chịu sự giám sát

Sau khi kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về những mâu thuẫn, vi phạm phát hiện được qua hoạt động giám sát, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ sẽ theo dõi việc giải quyết các kiến nghị của các cấp có thẩm quyền. Sau khi có kết quả xử lý kiến nghị, Ban TTND và Ban GSDTCCĐ sẽ thông báo kết quả xem xét, giải quyết của các cơ quan có thẩm quyền đến nhân dân đồng thời theo dõi việc chấp hành các biện pháp xử lý của chủ đầu tư, các đối tượng có liên quan theo quy định.

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Báo cáo kết quả giám sát là một nội dung của chế độ thông tin, báo cáo của Ban TTND và Ban GSDTCCĐ.

I. Chế độ báo cáo của Ban TTND

Ban TTND làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số. Vì vậy, chế độ báo cáo của Ban TTND được thực hiện trên cơ sở các quy định về lễ lối làm việc của Ban TTND.

Theo Điều 17 Nghị định số 99/2005/NĐ-CP, Ban TTND họp định kỳ mỗi quý một lần để kiểm điểm công tác trong quý và triển khai công tác quý sau, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

Ban TTND thực hiện chế độ báo cáo như sau:

- Báo cáo mỗi quý một lần trước Hội nghị Ủy ban MTTQ xã;
- Định kỳ 6 tháng một lần tiến hành sơ kết;
- Hằng năm tổng kết hoạt động và báo cáo trước Hội nghị Ủy ban MTTQ xã.

Ngoài quy định về chế độ báo cáo trên đây, khi Ban TTND thực hiện nhiệm vụ GSDTCCĐ thì có trách nhiệm báo cáo nội dung theo quy định về chế độ báo cáo GSDTCCĐ tại Nghị định 84/2015/NĐ-CP.

II. Chế độ báo cáo của Ban GSDTCCĐ

Chế độ báo cáo hoạt động giám sát của Ban GSDTCCĐ được thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều 68 Nghị định 84/2015/NĐ-CP về chế độ báo cáo GSDTCCĐ. Cụ thể như sau:

- Ban GSDTCCĐ định kỳ hằng quý báo cáo Ủy ban MTTQ xã về tình hình thực hiện GSDTCCĐ đối với chương trình, dự án trên địa bàn;
- Ủy ban MTTQ cấp xã định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả GSDTCCĐ trên địa bàn xã gửi HĐND, UBND cấp xã, Ủy ban MTTQ cấp huyện, cấp tỉnh; Ủy ban MTTQ cấp tỉnh định kỳ hằng năm, tổng hợp, lập báo cáo kết quả GSDTCCĐ tại địa phương, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, HĐND, UBND cấp tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ vào nội dung giám sát, Báo cáo kết quả hoạt động giám sát của Ban GSDTCCĐ phải thể hiện được những kết quả giám sát đối với từng nội dung. Ban GSDTCCĐ tổng hợp kết quả hoạt động giám sát theo mẫu sau:

TÌNH HÌNH GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
Tên Ban GSDTCCD xM/huyện/tỉnh.
(Quy .../năm)

(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Số	Tên dự án	Kiểm tra sự phù hợp Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; quy hoạch liên quan khác; kế hoạch sử dụng đất và kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã	Theo dõi, kiểm tra chủ đầu tư chấp hành các quy định về chi giới đất; sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết; phương án kiến trúc, xây dựng; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, tiền độ, kế hoạch đầu tư	Phát hiện việc làm xâm hại đến lợi ích cộng đồng, tác động tiêu cực của dự án đến môi trường	Phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của dự án	Kiểm tra sự công khai minh bạch trong quá trình đầu tư dự án	Theo dõi kiểm tra nhà thầu tuân thủ các quy trình, quy phạm, định mức vật tư, loại vật tư theo quy định	Theo dõi kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình

I	Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng, vốn ngân sách cấp xã, vốn tài trợ trực tiếp cho xã									
II	Dự án theo hình thức đối tác công tư, các dự án sử dụng vốn nhà nước (trừ các dự án ở Mục I)									
III	Dự án sử dụng vốn khác									

**BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA
CỘNG ĐỒNG XÃ...**

Ghi chú:

Đối với các dự án ở Mục I cần giám sát tất cả các nội dung: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7)

Đối với các dự án ở Mục II cần giám sát các nội dung: (1), (2), (3), (4), (5).

Đối với các dự án ở Mục III cần giám sát các nội dung: (1), (2), (3), (4)

CÂU HỎI:

Câu 1. Vì sao Ban TTND và Ban GSDTCCĐ phải xây dựng kế hoạch trước khi tiến hành giám sát?

Câu 2. Việc xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm của Ban TTND và Ban GSDTCCĐ được thực hiện theo như thế nào?

Câu 3. Kết quả hoạt động giám sát của Ban TTND và Ban GSDTCCĐ được báo cáo với ai, thực hiện như thế nào?

PHẦN IV

NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Trên cơ sở phạm vi giám sát nói trên và từ thực tiễn thi hành pháp luật tại cơ sở, có thể phân thành 2 nhóm nội dung giám sát chính để các Ban TTND xây dựng Kế hoạch và tiến hành giám sát như sau:

Một là, giám sát chung về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất đạo đức của người có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn;

Hai là, giám sát việc thực hiện pháp luật ở cơ sở trên những lĩnh vực cụ thể.

A. GIÁM SÁT CHUNG VỀ VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI CÓ TRÁCH NHIỆM Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Giám sát chung về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất đạo đức của người có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn tập trung vào 3 nhóm nội dung sau:

I. Giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND cấp xã

Thực hiện nội dung giám sát này, Ban TTND căn cứ vào các quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, với các quy định cụ thể có sự phân biệt giữa chính quyền ở xã với chính quyền ở phường và chính quyền ở thị trấn. Căn cứ pháp lý và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cơ sở được quy định trong Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể như sau:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND cấp xã (Điều 33);

- Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã (Điều 35);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND cấp xã (Điều 36);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND phường (Điều 61);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường (Điều 63);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND phường (Điều 64);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND thị trấn (Điều 68);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND thị trấn (Điều 70);
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch UBND thị trấn (Điều 71).

Lưu ý:

Quá trình giám sát, theo dõi, xem xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND cấp xã phải hướng vào trả lời các câu hỏi sau:

- HĐND và UBND cấp xã có hoạt động theo đúng quy định của pháp luật không? Có theo đúng nghị quyết của HĐND cấp trên không?
- Cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan có thực hiện đúng, đầy đủ nghị quyết của HĐND, quyết định, chỉ thị của UBND cấp xã không?
- Trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, HĐND cấp xã có ban hành nghị quyết, UBND cấp xã có thẩm quyền ban hành quyết định, chỉ thị không? Các nghị quyết, quyết định, chỉ thị được ban hành có đúng thẩm quyền không? Nếu đúng, sau khi được ban hành, các nghị quyết, quyết định, chỉ thị có được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ không?

II. Giám sát hoạt động và phẩm chất đạo đức của những người có trách nhiệm ở cơ sở

Hiện nay, tại chính quyền cơ sở có đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thực hiện các nhiệm vụ công vụ thường xuyên, gồm các chức danh được quy định trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

➤ Cán bộ cấp xã bao gồm các chức danh:

- Chủ tịch HĐND
- Phó Chủ tịch HĐND
- Chủ tịch UBND
- Phó Chủ tịch UBND.

➤ Công chức cấp xã bao gồm các chức danh:

- Trưởng Công an
- Chỉ huy trưởng Quân sự
- Văn phòng - thống kê
- Địa chính- xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã)
- Tài chính - kế toán
- Tư pháp - hộ tịch
- Văn hoá - xã hội.

Lưu ý:

Để giám sát hoạt động của công chức cấp xã cần phải căn cứ vào nhiệm vụ của từng chức danh. Ví dụ, đối với công chức, cần căn cứ vào các quy định từ Điều 3 đến Điều 9 thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

Ngoài giám sát hoạt động và phẩm chất đạo đức của Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và các ủy viên UBND, cán bộ, công chức làm việc tại xã, phường, thị trấn, Ban TTND còn có trách nhiệm giám sát Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và những người đảm nhận nhiệm vụ tương đương. Hiện nay, tiêu chuẩn và nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố được quy định tại Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Để nhân dân giám sát những nội dung này, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã quy định phải công khai nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức cấp xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân; công khai các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do chính quyền cấp xã trực tiếp thực hiện.

Lưu ý:

Quá trình giám sát, theo dõi, xem xét, đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND cấp xã phải hướng vào trả lời các câu hỏi sau:

- Trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và trong sinh hoạt hàng ngày, các cá nhân có chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước không? Có xảy ra hành vi vi phạm đạo đức xã hội, truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của địa phương không?
- Quá trình thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân có vượt quá thẩm quyền không? Có khách quan, công bằng hay tư lợi cá nhân không? Có làm ảnh hưởng hay xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể, của cá nhân công dân không?

III. Giám sát việc thực hiện các kết luận, quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Nội dung giám sát hoạt động này bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Giám sát việc xử lý các vụ việc tham nhũng, tiêu cực liên quan đến cán bộ xã, phường, thị trấn.

Để nhân dân giám sát những nội dung này, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã quy định phải công khai kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức cấp xã, của cán bộ thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

Lưu ý:

Quá trình giám sát việc thực hiện các kết luận, quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hướng vào trả lời các câu hỏi sau:

- Việc thực hiện các kết luận, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc xử lý các vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ xã, phường, thị trấn có được thực hiện nghiêm túc không? Có đúng theo quy định pháp luật không? Có đúng đối tượng không, có đối tượng bị oan không?

B. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT Ở CƠ SỞ TRÊN NHỮNG LĨNH VỰC CỤ THỂ

I. Giám sát hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn

Giám sát hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn phải căn cứ vào các quy định của những văn bản sau:

- Luật Khiếu nại năm 2011;
- Luật Tố cáo năm 2011;
- Luật Tiếp công dân năm 2013;
- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của
- Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại;
- Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tố cáo;
- Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân;
- Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại;
- Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của
- Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo;
- Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân;
- Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Để giám sát được các hoạt động này của Chính quyền cấp xã, thành viên Ban TTND phải nắm bắt được những nội dung cơ bản về từng hoạt động, từ đó theo dõi, xem

xét, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của chính quyền cấp xã và người có thẩm quyền trong các hoạt động này.

1. Giám sát việc tiếp công dân và xử lý đơn thư

Tiếp công dân là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật.

Để giám sát việc tiếp công dân và xử lý đơn thư, Ban TTND tập trung vào theo dõi, xem xét, đánh giá những nội dung sau:

- Theo dõi, xem xét, đánh giá việc tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo kiến nghị, phản ánh theo quy định tại Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 30/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân và Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
- Theo dõi, xem xét, đánh giá trách nhiệm trong việc tổ chức công tác tiếp công dân ở cơ sở.

Việc tiếp công dân của cấp ủy, HĐND, UBND cấp xã được thực hiện tại trụ sở UBND cấp xã. Chủ tịch UBND cấp xã được giao trực tiếp phụ trách công tác tiếp công dân ở cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Luật Tiếp công dân.

Lưu ý:

Quá trình giám sát việc tiếp công dân và xử lý đơn thư phải hướng vào trả lời câu hỏi: Chủ tịch UBND cấp có thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và trách nhiệm các quy định pháp luật về tiếp công dân không? Cụ thể là:

- Có ban hành nội quy tiếp công dân không?
- Có bố trí địa điểm thuận lợi và các điều kiện cần thiết khác cho việc tiếp công dân không?
- Có phân công, bố trí cán bộ tiếp công dân không? Nếu có thì việc bố trí cán bộ tiếp công dân có vấn đề gì không công tâm, minh bạch không?
- Việc thực hiện trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân có đúng quy định không? đúng chuẩn mực của cán bộ, công chức không? đúng thuần phong, văn hóa của địa phương không?
- Có trực tiếp tiếp công dân không? Cần lưu ý tại trụ sở UBND cấp xã phải tiếp công dân ít nhất 1 ngày trong 1 tuần và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp:
 - Vụ việc gay gắt, phức tạp, có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau.
 - Vụ việc nếu không chỉ đạo, xem xét kịp thời có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc có thể dẫn đến hủy hoại tài sản của Nhà nước, của tập thể, xâm hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội.
- Có phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tiếp công dân và xử lý vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung? Có bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân không?
- Việc tổng hợp tình hình, kết quả công tác tiếp công dân,

báo cáo định kỳ và đột xuất với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ không?

2. Giám sát việc giải quyết khiếu nại

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình⁴.

Những nội dung cơ bản cần tập trung để giám sát trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã trong giải quyết khiếu nại như sau:

- Giám sát việc thực hiện thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.
- Giám sát trách nhiệm trong xử lý các vụ việc khiếu nại nhiều người về cùng một nội dung.

Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp phát sinh vụ việc khiếu nại nhiều người về cùng một nội dung thì tùy theo tính chất vụ việc, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm phân công cán bộ tiếp đại diện của những người khiếu nại, chỉ đạo công an cấp xã giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại tập trung; thuyết phục,

⁴ Khoản 1, Điều 2, Luật Khiếu nại 2011

hướng dẫn người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

- Giám sát việc nhận và xử lý khiếu nại được chuyển đến.

Chủ tịch UBND cấp xã phải có trách nhiệm nhận và xử lý khiếu nại do cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Thường trực HĐND, đại biểu HĐND các cấp, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên chuyển đến.

- Giám sát việc giải quyết các vụ khiếu nại.

Thời hạn thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền của chủ tịch UBND cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Luật Khiếu nại. Khi giải quyết khiếu nại, chủ tịch UBND cấp xã phải tuân thủ các quy định về trình tự, thủ tục tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Một số nội dung cần lưu ý khi giám sát việc giải quyết khiếu nại của chủ tịch UBND cấp xã như sau:

- Về thời hạn thụ lý:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại, chủ tịch UBND cấp xã phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

- Về thời hạn giải quyết:

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Kết thúc quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND cấp xã phải ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

➤ Về việc xác minh nội dung khiếu nại:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, chủ tịch UBND cấp xã phải kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp, nếu khiếu nại đúng thì ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay. Trường hợp chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại thì tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cho người có trách nhiệm xác minh tiến hành xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại.

➤ Việc gửi quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu:

Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, Chủ tịch UBND cấp huyện, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã chuyển khiếu nại đến.

Lưu ý:

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND cấp xã có hiệu lực phải được thi hành trên thực tế.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp xã có hiệu lực nếu sau 30 ngày (đối với vùng sâu, vùng xa, thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày) kể từ ngày ban hành nếu như người khiếu nại không khiếu nại lần hai và không khởi kiện vụ án hành chính theo quy định. Khi đó, Chủ tịch UBND cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan chức năng có biện pháp để bảo đảm việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Giám sát việc thực hiện giải quyết khiếu nại phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Chủ tịch UBND cấp xã có thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và trách nhiệm các quy định pháp luật về giải quyết khiếu nại không? Cụ thể là:
 - Số vụ việc thuộc thẩm quyền được tiếp nhận; số vụ việc đang thụ lý để giải quyết; số vụ việc chưa thụ lý giải quyết?
 - Đối với những vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết, Chủ tịch UBND có trả lời, hướng dẫn cho người khiếu nại, tố cáo rõ không?
 - Đối với những vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết, Chủ tịch UBND có thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại không?

Quá trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND cấp xã có thực hiện các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của mình không? Cụ thể là:

- Số vụ việc được giải quyết đúng thời hạn quy định? Số vụ việc giải quyết chậm so với thời hạn quy định? Số vụ việc phức tạp, tồn đọng, kéo dài; nguyên nhân và trách nhiệm của Chủ tịch UBND? Số vụ việc thuộc thẩm quyền nhưng không giải quyết?
- Quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo có thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức đối thoại không? Số vụ việc được tổ chức đối thoại, số vụ việc không tổ chức đối thoại? Việc thực hiện đối thoại có theo đúng quy định của pháp luật về nội dung, thành phần, thời gian, địa điểm tổ chức đối thoại; việc lập biên bản đối thoại, kết quả đối thoại được thực hiện như thế nào?

3. Giám sát việc giải quyết tố cáo

Tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật này quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức⁷.

Những nội dung cơ bản cần lưu ý để giám sát trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã trong giải quyết tố cáo là:

- Giám sát việc thụ lý và giải quyết một vụ tố cáo theo quy định tại Luật Tố cáo năm 2011, Nghị định số 76/2012/NĐ-CP và Thông tư số 06/2013/TT-TTCP.
- Giám sát việc ban hành Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý (nếu có); Công khai kết quả giải

⁷ Khoản 1, Điều 2, Luật Tố cáo 2011.

quyết tố cáo và thực hiện các quyết định xử lý tố cáo (nếu có).

- Về trách nhiệm thụ lý và giải quyết tố cáo theo thẩm quyền:
- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm thụ lý và giải quyết tố cáo đối với 2 loại tố cáo:
 - Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của công chức cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quản lý và Trưởng thôn, Phó trưởng thôn, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân phố.
 - Tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm đến trật tự quản lý mà thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã.

Về nguyên tắc giải quyết tố cáo:

Việc giải quyết tố cáo phải kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật đồng thời phải bảo đảm an toàn cho người tố cáo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo. Vì vậy, khi có yêu cầu của người tố cáo, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.

➤ Về việc thụ lý tố cáo:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo, người giải quyết tố cáo phải kiểm tra, xác minh họ, tên, địa chỉ của người tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo, đồng thời thông báo cho người tố cáo biết lý do việc không thụ lý (nếu có yêu cầu); trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn kiểm tra, xác minh có thể dài hơn nhưng không quá 15 ngày. Sau khi tiếp nhận tố cáo thuộc thẩm quyền,

người giải quyết tố cáo phải tổ chức việc kiểm tra, xác minh về họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác, nhất là các nội dung liên quan đến điều kiện thụ lý tố cáo và trường hợp không giải quyết lại tố cáo.

► Về thời hạn giải quyết:

Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.

► Về việc xác minh nội dung tố cáo:

Đối với tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực mà mình quản lý có nội dung rõ ràng, chứng cứ cụ thể, có cơ sở để xử lý ngay thì người có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý ngay thông tin tố cáo; trực tiếp tiến hành hoặc báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tiến hành ngay việc xác minh nội dung tố cáo, áp dụng biện pháp cần thiết để đình chỉ hành vi vi phạm và kịp thời lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật (nếu có). Trong trường hợp tiến hành xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung tố cáo cần xác minh. Việc giải trình của người bị tố cáo phải được lập thành biên bản, có chữ ký của người xác minh nội dung tố cáo và người bị tố cáo. Việc ban hành Kết luận nội dung tố cáo, công khai kết quả giải quyết tố cáo:

Kết thúc quá trình giải quyết tố cáo, Chủ tịch UBND cấp xã phải ban hành Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý (nếu có) và công khai kết quả giải quyết tố cáo.

Lưu ý:

Quá trình giám sát việc giải quyết tố cáo phải hướng đến giải quyết các câu hỏi sau đây:

- Chủ tịch UBND cấp xã có thực hiện đúng và đầy đủ, có trách nhiệm việc thụ lý và giải quyết tố cáo không?
- Quá trình giải quyết tố cáo có kịp thời, chính xác, khách quan, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định pháp luật không? Có đảm bảo đảm an toàn cho người tố cáo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo trong quá trình giải quyết tố cáo không?
- Kết thúc quá trình giải quyết tố cáo, có ban hành Kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý (nếu có) không? Có công khai kết quả giải quyết tố cáo không?

II. Giám sát các hoạt động thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở

Quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở đòi hỏi phải được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch xuất phát từ đòi hỏi chính đáng của người dân với tư cách là người nộp thuế cho nhà nước, là đối tượng được hưởng chính sách xã hội và cũng là những người đóng góp cho các nguồn thu để phục vụ lợi ích chung của cộng đồng.

Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, Ban TTND giám sát các hoạt động thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở tập trung vào những nội dung sau:

Giám sát việc thu chi ngân sách, quyết toán ngân sách, công khai tài chính tại xã, phường, thị trấn;

- Giám sát việc thu, chi các loại quỹ và lệ phí theo quy định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân tại xã, phường, thị trấn;
- Giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Lưu ý:

Quá trình giám sát các hoạt động thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Việc thu chi ngân sách, quyết toán ngân sách có thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật không? Quá trình thực hiện có công khai cho dân không? Công khai dưới hình thức nào, có đúng quy định không?
- Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi, chăm sóc, giúp đỡ những đối tượng chính sách, những người và gia đình có công với nước, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo trợ xã hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn có đúng chính sách, chế độ, đối tượng và định mức theo quy định của pháp luật hoặc cam kết của nhà tài trợ không?

III. Giám sát việc quản lý trật tự xây dựng và quản lý, sử dụng đất

Trong giám sát những nội dung liên quan đến lĩnh vực trật tự xây dựng, đất đai, môi trường nói chung, các Ban TTND tập trung giám sát 3 nhóm nội dung sau:

- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn;
- Giám sát các công trình triển khai trên địa bàn xã, phường, thị trấn có ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, an ninh, trật tự, văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường và đời sống của nhân dân;
- Giám sát việc quản lý trật tự xây dựng, quản lý các khu tập thể, khu dân cư, việc quản lý và sử dụng đất đai tại xã, phường, thị trấn.

Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã quy định phải công khai dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn cấp xã.

Những nội dung giám sát trên đây đòi hỏi phải tập trung vào giám sát hoạt động quản lý trật tự xây dựng, giám sát công tác quản lý và sử dụng đất.

1. Giám sát hoạt động quản lý trật tự xây dựng

Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định về: quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng, thanh tra xây dựng, xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, xử lý vi phạm trật tự xây dựng... Những căn cứ pháp lý trực tiếp làm cơ sở để quản lý trật tự xây dựng và cũng là cơ sở để các Ban TTND giám sát hoạt động quản lý trật tự xây dựng ở địa phương.

Trong giám sát hoạt động quản lý trật tự xây dựng, thành viên Ban TTND cần nắm được những yêu cầu cơ bản về quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng và xử lý vi phạm trong lĩnh vực trật tự xây dựng.

Giám sát hoạt động quản lý trật tự xây dựng cần tập trung vào những nội dung sau:

➤ Giám sát việc thực hiện quy định về quy hoạch xây dựng:

Theo quy định của pháp luật, UBND các cấp có trách nhiệm phải tổ chức công bố công khai quy hoạch xây dựng sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, qua đó nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin về quy hoạch của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Tùy theo loại quy hoạch xây dựng, việc công bố quy hoạch xây dựng công khai quy hoạch xây dựng có thể được thực hiện bằng các hình thức như:

- Tổ chức Hội nghị có sự tham gia của đại diện các tổ chức, cơ quan có liên quan, MTTQ, đại diện nhân dân trong vùng quy hoạch, các cơ quan thông tấn báo chí;
- Trưng bày công khai, thường xuyên, liên tục các panô, bản vẽ, mô hình tại nơi công cộng, tại cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng các cấp, UBND cấp xã đối với quy hoạch chi tiết xây dựng;
- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- In ấn, phát hành rộng rãi Bản đồ quy hoạch xây dựng;

Giám sát việc thực hiện các quy định về Giấy phép xây dựng:

Để quản lý chặt chẽ các công trình xây dựng, bảo đảm đúng quy hoạch, kiến trúc cảnh quan, môi trường và an toàn xây dựng, pháp luật đã quy định việc cấp giấy phép xây dựng. Giấy phép xây dựng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay có 3 loại giấy phép xây dựng là:

- (i) Giấy phép xây dựng mới;
- (ii) Giấy phép sửa chữa, cải tạo;
- (iii) Giấy phép di dời công trình.

Theo quy định hiện hành thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trừ những công trình được miễn giấy phép xây dựng được quy định cụ thể tại Khoản 2, Điều 89, Luật Xây dựng năm 2014.

➤ Giám sát việc thực hiện các quy định về xử lý vi phạm trong lĩnh vực xây dựng:

Việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực xây dựng tại cơ sở thường được áp dụng đối với các công trình vi phạm dưới các dạng:

- Công trình xây dựng không có Giấy phép xây dựng;
- Công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng được cơ quan có thẩm quyền cấp;

Công trình xây dựng sai thiết kế được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; sai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng);

- Công trình xây dựng có tác động đến chất lượng công trình lân cận; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư.

2. Giám sát việc quản lý và sử dụng đất của chính quyền cơ sở

Trong giám sát việc quản lý và sử dụng đất của chính quyền cơ sở, cần lưu ý giám sát việc thực hiện một số thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp xã và công chức địa chính ở xã trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất như sau:

- Giám sát việc thực hiện các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của UBND cấp xã trong quản lý và sử dụng đất:

Trong quản lý và sử dụng đất UBND cấp xã có thẩm quyền và trách nhiệm sau:

- Tổ chức thực hiện việc xác định địa giới hành chính trên thực địa và lập hồ sơ về địa giới hành chính trong phạm vi địa phương; quản lý mốc địa giới hành chính trên thực địa tại địa phương; trường hợp mốc địa giới hành chính bị mất, xê dịch hoặc hư hỏng phải kịp thời báo cáo UBND cấp huyện;
- Báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương;
- Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp xã;
- Gửi báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến UBND cấp huyện;

Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm khi tiến hành các

các trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;

- Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức hợp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;
- Cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn; Quản lý quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính;
- Quản lý đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã;

Quản lý diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh mà không do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Giám sát việc thực hiện các quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã trong quản lý và sử dụng đất:

Trong quản lý và sử dụng đất, Chủ tịch UBND cấp xã có thẩm quyền và trách nhiệm sau:

- Chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích; đất phi nông nghiệp đã giao cho UBND cấp xã để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở UBND, các công trình công cộng phục vụ hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí, chợ, nghĩa trang, nghĩa địa và công trình công cộng khác của địa phương;
- Chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc quản lý đất sử dụng vào mục đích công cộng được giao để quản lý, đất chưa giao, đất chưa cho thuê tại địa phương;
- Tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình; trong quá trình tổ chức thực hiện phải phối hợp với Ủy ban MTTQ cấp xã và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân cấp xã được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Việc hòa giải phải được lập thành biên bản có chữ ký của các bên và có xác nhận hòa giải thành hoặc hòa giải không thành của UBND cấp xã. Biên bản hòa giải được gửi đến các bên tranh chấp, lưu tại UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp. Đối với trường hợp hòa giải thành mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới, người sử dụng đất thì UBND cấp xã gửi biên bản hòa giải đến Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp khác;

- Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;

Tiếp nhận và xử lý trách nhiệm của công chức địa chính cấp xã trong việc vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn đối với việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, làm thủ tục thực hiện quyền của người sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm xem xét, giải quyết và thông báo cho người có kiến nghị biết.

CÂU HỎI:

Câu 1. Khi giám sát chung về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất đạo đức của người có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn, Ban TTND cần tập trung giám sát những nội dung nào?

Câu 2. Những nội dung giám sát của Ban TTND đối với hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại xã, phường, thị trấn là gì?

Câu 3. Những nội dung giám sát của Ban TTND đối với hoạt động thu, chi, quản lý ngân sách, tài chính và việc thực hiện chính sách xã hội tại cơ sở là gì?

Câu 4. Những nội dung giám sát của Ban TTND đối với việc quản lý trật tự xây dựng và quản lý, sử dụng đất ở xã, phường, thị trấn là gì?

PHẦN V

NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

A. NHIỆM VỤ GIÁM SÁT CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Ban GSĐTCCĐ có nhiệm vụ giám sát các công trình, dự án xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Tùy thuộc vào loại dự án, chương trình mà phương thức giám sát đầu tư cộng đồng cũng khác nhau. Phương thức giám sát được quy định tại Điều 7, Quy chế giám sát đầu tư cộng đồng quy định về phương thức giám sát như sau:

Thứ nhất, người dân trực tiếp giám sát: người dân thực hiện giám sát trên cơ sở các thông tin được công khai theo quy định của pháp luật, phương thức thực hiện giám sát được thực hiện như sau:

- Đối với các dự án thực hiện trên phạm vi một xã: công dân thực hiện giám sát trên cơ sở các thông tin được công khai theo quy định của pháp luật và Quy chế GSĐTCCĐ. Ý kiến và kiến nghị của công dân về những vấn đề thuộc nội dung giám sát (quy định tại Điều 4 của Quy chế GSĐTCCĐ) được phản ánh thông qua các tổ chức đoàn thể của cộng đồng hoặc Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Đối với các dự án thực hiện trên phạm vi liên xã: Thực hiện giám sát với những dự án không sử dụng vốn nhà nước và không thuộc diện bí mật quốc gia; Dự án đầu tư không từ nguồn vốn và công sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã: Với những dự án này, công

dân sẽ phản ánh kiến nghị về những vấn đề thuộc nội dung giám sát theo quy định pháp luật (Khoản 1, Điều 4 Quy chế GSDTCCĐ) thông qua Ủy ban MTTQ Việt Nam xã nơi mình cư trú.

Thứ hai, Ban GSDTCCĐ thực hiện công tác giám sát theo quy định tại Điều 9 của Quy chế GSDTCCĐ cụ thể là:

- Ban GSDTCCĐ dựa vào yêu cầu thực tế cần giám sát đầu tư trên địa bàn xã và hướng dẫn của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư của cộng đồng phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung giám sát đầu tư cộng đồng được quy định trong Quy chế GSDTCCĐ;
- Ban GSDTCCĐ tổ chức thực hiện giám sát đầu tư của cộng đồng theo chương trình, kế hoạch đã đề ra; tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh và gửi tới các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những nội dung thuộc phạm vi giám sát; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý có thẩm quyền về những kiến nghị của mình;
- Ban GSDTCCĐ tổng hợp, phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các nội dung thuộc phạm vi giám sát. Báo cáo cơ quan chịu trách nhiệm về công tác giám sát đầu tư ở địa phương (Sở Kế hoạch và Đầu tư) kết quả tổng hợp thực hiện công tác GSDTCCĐ.

B. NỘI DUNG GIÁM SÁT CỦA BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ.

Nội dung giám sát của Ban GSDTCCĐ được quy định trong Quyết định 80/2005/QĐ-TTg ngày 8/04/2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế GSDTCCĐ và Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Trên cơ sở các quy định hiện hành, có thể phân thành 3 nhóm nội dung giám sát trên cơ sở phạm vi giám sát nói trên để các Ban GSDTCCĐ xây dựng kế hoạch và tiến hành giám sát như sau:

I. Giám sát đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước

Ban GSDTCCĐ thực hiện giám sát trên 4 nội dung sau:

Một là, kiểm tra sự phù hợp của Quyết định đầu tư dự án với các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện;
 - Quy hoạch phát triển các ngành trên địa bàn tỉnh;
 - Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của xã;
 - Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của xã;
 - Quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, dân cư, công nghiệp,... trên địa bàn xã (nếu có);
- Kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.

Hai là, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu các nội dung sau:

- Về chỉ giới đất đai và sử dụng đất;
- Về quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng;
- Về đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư;

Về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;

Về tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.

Ba là, theo dõi, phát hiện các tác động tiêu cực của dự án:

- Những việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu xâm hại lợi ích của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án;
- Những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án.

Bốn là, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

II. Giám sát đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác

Đối với các chương trình, dự án này, Ban GSDTCCĐ thực hiện việc giám sát trên 3 nội dung sau:

Một là, kiểm tra sự phù hợp của Quyết định đầu tư dự án với các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện;
- Quy hoạch phát triển các ngành trên địa bàn tỉnh;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của xã;
- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của xã;
- Quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, dân cư, công nghiệp,... trên địa bàn xã (nếu có);
- Kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.

Hai là, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu các nội dung sau:

- Về chỉ giới đất đai và sử dụng đất;

- Về quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng;
- Về đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư;
- Về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;
- Về tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.

Ba là, theo dõi, phát hiện các tác động tiêu cực của dự án, cụ thể là:

- Những việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu xâm hại lợi ích của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án;
- Những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án.

III. Giám sát đối với các dự án đầu tư của xã

Đối với các chương trình, dự án này, Ban GSDTCCĐ thực hiện việc giám sát trên 6 nội dung sau:

Một là, kiểm tra sự phù hợp của Quyết định đầu tư dự án với các quy hoạch, kế hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện;
- Quy hoạch phát triển các ngành trên địa bàn tỉnh;
- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai của xã;
- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của xã;
- Quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, dân cư, công nghiệp,... trên địa bàn xã (nếu có);
- Kế hoạch đầu tư trên địa bàn xã.

Hai là, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của chủ đầu tư và các nhà thầu các nội dung sau:

- Về chỉ giới đất đai và sử dụng đất;
- Về quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng;
- Về đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư;
- Về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường;
- Về tiến độ, kế hoạch đầu tư dự án.

Ba là, theo dõi, phát hiện các tác động tiêu cực của dự án:

- Những việc làm của chủ đầu tư, các nhà thầu xâm hại lợi ích của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án;
- Những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư, vận hành (khai thác) dự án.

Bốn là, theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư và phát hiện những việc làm gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc dự án.

Năm là, theo dõi, kiểm tra nhà thầu trong việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức vật tư và loại vật tư theo quy định.

Sáu là, theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

Lưu ý:

- Hoạt động đầu tư liên quan đến nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành. Nhiều nội dung trong GSĐTCCD liên quan đến trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, đất đai, môi trường, thu, chi ngân sách... có thể áp dụng quy định trong nội dung giám sát thuộc nhiệm vụ của Ban TTND;

- Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ giám sát theo các nội dung trên đây, Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 84/2014/NĐ-CP quy định Ban GSDTCCĐ có quyền yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chủ chương trình, chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu để phục vụ cho hoạt động giám sát như: thông tin về quy hoạch, kế hoạch, quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.... Tùy theo từng loại dự án đầu tư mà Ban GSDTCCĐ có quyền yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu khác nhau;
- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan còn các trách nhiệm trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật cho Ban GSDTCCĐ khi có yêu cầu để Ban GSDTCCĐ thực hiện vai trò giám sát.

IV. Những vấn đề cần lưu ý khi Ban GSDTCCĐ tiến hành hoạt động giám sát trong một số trường hợp cụ thể

1. Giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo

Hoạt động giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo nhằm 2 mục tiêu:

Một là, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình, dự án có đảm bảo các yêu cầu đề ra;

Hai là, phát hiện để ngăn chặn các việc làm vi phạm quy định, không phù hợp với những nội dung đã được công khai và thống nhất.

Hoạt động giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo hướng đến ba nội dung sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện chương trình, dự án trên địa bàn xã, phường, thị trấn;
- Giám sát việc lựa chọn địa bàn, đối tượng thụ hưởng;
- Giám sát việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn với đối tượng thụ hưởng.

Lưu ý:

Quá trình giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Chương trình, dự án có đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không? Có được thông báo công khai đến cộng đồng và được cộng đồng thống nhất phương án thực hiện không?
- Cá nhân, tổ chức thụ hưởng có đúng đối tượng không? Có đúng định mức, tiêu chuẩn không?
- Quá trình thực hiện có công khai, minh bạch, có đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật hay không?

2. Giám sát việc chuẩn bị đầu tư

Hoạt động giám sát trong giai đoạn này nhằm 2 mục tiêu:

Một là, kiểm tra, đánh giá việc lựa chọn, chuẩn bị và phê duyệt đầu tư công trình, dự án có đảm bảo các yêu cầu:

- Có đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật hay không?

- Có phù hợp với mục tiêu, địa điểm, quy mô, mức vốn và thời hạn đầu tư công trình hay không?
- Dự án đã được thông báo công khai đến cộng đồng và được cộng đồng thống nhất hay chưa?

Hai là, phát hiện để ngăn chặn các việc làm vi phạm quy định, không phù hợp với những nội dung đã được lựa chọn và thống nhất.

Hoạt động giám sát giai đoạn này gồm các nội dung:

- Việc lựa chọn đầu tư công trình, dự án;
- Việc chuẩn bị hồ sơ đầu tư công trình, dự án;
- Việc thẩm định và phê duyệt đầu tư công trình, dự án.

Lưu ý:

Quá trình giám sát chuẩn bị đầu tư phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Hồ sơ đầu tư công trình, dự án có đầy đủ các thành phần, nội dung theo quy định của nhà nước không?
- Công trình, dự án có phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng,... kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật không?
- Nội dung phê duyệt đầu tư công trình, dự án về quy mô đầu tư công trình, thời hạn đầu tư có phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương không?

3. Giám sát tiến độ thực hiện đầu tư

Hoạt động giám sát trong giai đoạn này nhằm 2 mục tiêu:

Một là, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các công việc của công trình, dự án đúng tiến độ đã phê duyệt.

Hai là, phát hiện để ngăn chặn những việc làm gây cản trở thực hiện công trình đúng tiến độ đã phê duyệt.

Theo dõi, kiểm tra các đối tượng có liên quan thực hiện các công việc của công trình, dự án đúng tiến độ đã được phê duyệt, gồm các nội dung chính sau:

- Việc xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thực hiện công trình, dự án;
- Việc cấp vốn đầu tư cho công trình, dự án;
- Việc lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng;
- Việc thực hiện các hợp đồng;
- Việc nghiệm thu, thanh toán khối lượng đã thực hiện;
- Việc nghiệm thu, thanh, quyết toán các hợp đồng;
- Việc nghiệm thu, đưa công trình vào hoạt động.

Lưu ý:

Quá trình giám sát tiến độ thực hiện đầu tư phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án có lập, phê duyệt Kế hoạch thực hiện công trình, dự án không?
- Các thời hạn trong Kế hoạch thực hiện công trình, dự án có phù hợp với tiến độ thực hiện đã phê duyệt không?
- Việc cấp vốn đầu tư cho công trình, dự án có phù hợp với Kế hoạch thực hiện công trình, dự án đã phê duyệt không?
- Việc ký các hợp đồng thầu có phù hợp với thời hạn ghi trong Kế hoạch thực hiện công trình, dự án đã phê duyệt không?
- Việc thực hiện hợp đồng có phù hợp với thời hạn ghi trong hợp đồng không?
- Việc nghiệm thu, thanh quyết toán hợp đồng có phù hợp với thời hạn ghi trong hợp đồng không?
- Việc nghiệm thu, đưa công trình, dự án vào hoạt động có phù hợp với tiến độ đã phê duyệt không?

4. Giám sát tác động môi trường

Hoạt động giám sát trong giai đoạn này nhằm 2 mục tiêu:

Một là, theo dõi, kiểm tra để đảm bảo các đối tượng có liên quan chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường của trong quá trình đầu tư xây dựng công trình, dự án;

Hai là, phát hiện để ngăn chặn những tác động tiêu cực của dự án, công trình, những việc làm vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Theo dõi thường xuyên, xác minh, định kỳ nhận xét và đánh giá tình trạng môi trường trên địa bàn xã, thôn trong suốt quá trình đầu tư công trình, gồm các nội dung sau đây:

- Thực trạng nguồn nước phục vụ sinh hoạt trên địa bàn xã, thôn;
- Thực trạng nguồn nước phục vụ sản xuất trên địa bàn xã, thôn;
- Thực trạng nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn và ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, thôn/bản;
- Thực trạng sức khỏe của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản từ khi dự án, công trình được triển khai.

Lưu ý:

Quá trình giám sát tác động môi trường phải hướng đến trả lời các câu hỏi sau:

- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn xã, thôn/bản không?
- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước sản xuất trên địa bàn xã, thôn/bản không?
Việc đầu tư công trình có làm tăng nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn, ô nhiễm không khí trên địa bàn xã, thôn/bản không?

- Việc đầu tư công trình có gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân trên địa bàn xã, thôn/bản không?

CÂU HỎI:

Câu 1. Những nội dung giám sát của Ban GSDTCCĐ đối với các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước là gì?

Câu 2. Những nội dung giám sát của Ban GSDTCCĐ đối với các dự án đầu tư từ nguồn vốn khác là gì?

Câu 3. Những nội dung giám sát của Ban GSDTCCĐ đối với các dự án đầu tư của xã, phường, thị trấn là gì?

Câu 4. Khi tiến hành giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ người nghèo; giám sát việc chuẩn bị đầu tư; giám sát tiến độ thực hiện đầu tư; giám sát tác động môi trường thì Ban GSDTCCĐ cần tập trung giám sát những nội dung gì?

PHẦN VI
KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
TRONG VIỆC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN
GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

A. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH
TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ
CỦA CỘNG ĐỒNG

I. Kinh phí hoạt động của Ban TTND

1. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán
kinh phí

- Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí hoạt động của Ban TTND cấp xã thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;
- Mức cân đối kinh phí hoạt động của Ban TTND cấp xã đảm bảo tối thiểu 2 triệu đồng/năm;
- Định kỳ hàng quý, năm Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã có trách nhiệm tổng hợp quyết toán kinh phí hoạt động của Ban TTND cùng với kinh phí hoạt động của Ủy ban MTTQ cấp xã gửi Ban Tài chính xã để tổng hợp vào báo cáo quyết toán chi của UBND cấp xã theo quy định hiện hành.

Kinh phí hoạt động của Ban TTND do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp cân đối cho ngân sách cấp xã để UBND cấp cho Ban TTND hoạt động. Kinh phí hoạt động của Ban TTND được sử dụng để chi cho việc tổ chức các cuộc họp, thù lao trách nhiệm cho các thành viên và cho các hoạt động khác.

Theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT/BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12 tháng 05 năm 2006 của Bộ Tài chính - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban TTND. Ban TTND cấp xã, có trách nhiệm sử dụng kinh phí hoạt động đúng mục đích, theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; cuối quý, cuối năm báo cáo kinh phí đã sử dụng với Ủy ban MTTQ cấp xã. Ủy ban MTTQ cấp xã có trách nhiệm báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động của Ban TTND cấp xã với Ban Tài chính xã.

2. Nội dung chi bảo đảm hoạt động của Ban TTND

- Chi mua sắm văn phòng phẩm, chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, cước điện thoại, cước bưu phẩm;
- Chi hội nghị phí, công tác phí;
- Chi trả thù lao cho các thành viên Ban TTND trực tiếp thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch công tác được duyệt;
- Chi cho các cuộc họp bàn việc kiến nghị xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật;
- Chi bồi dưỡng cho các thành viên Ban TTND hoạt động phối kết hợp với tổ chức thanh tra nhà nước khi thanh tra tại địa phương, đơn vị (nếu có).

II. Kinh phí hoạt động của Ban GSBTCCĐ

1. Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí

Theo quy định về quản lý, sử dụng chi phí hỗ trợ GSBTCCĐ Khoản 5 Điều 54 Nghị định số 84/2015, chi phí hỗ trợ GSBTCCĐ trên địa bàn cấp xã được cân đối

trong dự toán chi của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã và do ngân sách cấp xã đảm bảo. Mức kinh phí hỗ trợ GSDTCCĐ trên địa bàn xã bố trí phù hợp với kế hoạch hoạt động GSDTCCĐ do HĐND cấp xã quyết định và đảm bảo mức kinh phí tối thiểu 5 triệu đồng/năm.

Việc lập dự toán, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí cho Ban GSDTCCĐ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách cấp xã và các hoạt động tài chính khác của cấp xã.

Chi phí hỗ trợ công tác tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn, sơ kết, tổng kết về GSDTCCĐ ở cấp huyện, tỉnh được cân đối trong dự toán chi của Ủy ban MTTQ cấp huyện, cấp tỉnh và do ngân sách cấp huyện, cấp tỉnh đảm bảo.

2. Nội dung chi hỗ trợ GSDTCCĐ

- Chi phí mua văn phòng phẩm; thông tin, liên lạc phục vụ GSDTCCĐ;
- Chi phí sao chụp, đánh máy, gửi tài liệu, gửi báo cáo GSDTCCĐ;
- Chi phí hành chính cho các cuộc họp, hội nghị về GSDTCCĐ;
- Chi phí tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn về GSDTCCĐ;
- Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên của Ban GSDTCCĐ hoặc các thành viên của Ban TTND trực tiếp làm giám sát đầu tư cộng đồng (trường hợp không thành lập Ban GSDTCCĐ).

B. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN VÀ BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

L. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban TTND

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban TTND được quy định tại Điều 70, Điều 11 Luật Thanh tra năm 2010 và Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 99/2005/NĐ-CP.

1. Trách nhiệm của UBND cấp xã

- Thông báo cho Ban TTND những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ của HĐND, Ủy ban nhân dân cấp xã; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương;
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban TTND;
- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị đó; xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND hoặc người có hành vi trù thủ, trù dập thành viên Ban TTND;
- Thông báo cho Ban TTND kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về dân chủ ở cơ sở;
- Hỗ trợ kinh phí, phương tiện để Ban TTND hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND. Trường hợp nội dung kiến nghị vượt quá thẩm quyền thì báo cáo UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho Ban TTND biết;

- Xử lý theo thẩm quyền người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND, trả thù, trù dập thành viên Ban TTND;
- Mời đại diện Ban TTND tham dự các cuộc họp của UBND có nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát của Ban TTND;
- Cấp kinh phí cho Ban TTND theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tạo điều kiện thuận lợi để Ban TTND hoạt động.

2. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ xã

- Hướng dẫn việc tổ chức Hội nghị nhân dân hoặc
- Hội nghị đại biểu nhân dân ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu Ban TTND;
- Ra văn bản công nhận Ban TTND và thông báo cho HĐND, UBND cùng cấp và nhân dân ở địa phương; tổ chức cuộc họp của Ban TTND để Ban TTND bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên;
- Hướng dẫn Ban TTND xây dựng chương trình, nội dung công tác; định kỳ nghe báo cáo về hoạt động của Ban TTND; đón đọc việc giải quyết những kiến nghị của Ban TTND;
- Động viên nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp; tham gia các hoạt động của Ban TTND;
- Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban TTND;
- Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức hữu quan tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho thành viên Ban TTND. Chủ trì việc tổ chức phối hợp giữa các tổ chức thành viên của Mặt trận để hỗ trợ hoạt động cho Ban TTND. Thanh tra cấp huyện

có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban TTND xã, phường, thị trấn;

- Dự toán, quyết toán kinh phí hoạt động hằng năm của Ban TTND theo quy định của pháp luật;
- Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND;
- Mời đại diện Ban TTND tham dự cuộc họp của Ủy ban MTTQ cấp xã có nội dung liên quan đến hoạt động của Ban TTND.

II. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban GSDTCCĐ

Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức ở cơ sở trong việc bảo đảm hoạt động của Ban GSDTCCĐ được thể hiện tại Điều 51 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP, Quy chế GSDTCCĐ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC.

1. Trách nhiệm của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã

- Chủ trì thành lập Ban GSDTCCĐ cho từng chương trình, dự án. Thành phần của Ban ít nhất là 5 người, gồm đại diện Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, TTND và đại diện người dân trên địa bàn;
- Lập kế hoạch GSDTCCĐ đối với các chương trình, dự án trên địa bàn và thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch và thành phần Ban GSDTCCĐ chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện;
- Hướng dẫn Ban GSDTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật và Nghị định này; hỗ trợ Ban GSDTCCĐ

trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các Báo cáo GSĐTCCĐ;

- Hướng dẫn, động viên cộng đồng tích cực thực hiện quyền giám sát đầu tư theo quy định của Nghị định này;
- Xác nhận các văn bản phản ánh, kiến nghị của Ban GSĐTCCĐ trước khi gửi các cơ quan có thẩm quyền; Phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát, kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí hỗ trợ GSĐTCCĐ ở xã, bảo đảm sử dụng đúng mục tiêu, đúng quy định và hiệu quả;
- Định kỳ lập báo cáo tổng hợp kết quả GSĐTCCĐ theo quy định, gửi các đơn vị có liên quan.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã

- Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ điều kiện của xã, bố trí địa điểm làm việc để Ban GSĐTCCĐ tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ GSĐTCCĐ; tạo điều kiện sử dụng các phương tiện thông tin, liên lạc của UBND cấp xã phục vụ GSĐTCCĐ;
- Thực hiện công khai hoá các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp,... kế hoạch đầu tư có liên quan trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật;
- Xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật mà cộng đồng yêu cầu trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kiến nghị bằng văn bản của cộng đồng; báo cáo cơ quan cấp trên những vấn đề vượt thẩm quyền;

➤ Kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư

➤ Công khai thông tin về quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật:

- Đối với mọi dự án đầu tư trên địa bàn xã, chủ đầu tư có trách nhiệm công khai về: Quyết định đầu tư; chủ đầu tư; Ban quản lý dự án; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường;
- Đối với các Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước, ngoài các nội dung công khai nêu trên chủ đầu tư còn có trách nhiệm công khai nội dung Quyết định đầu tư; nguồn vốn đầu tư và điều kiện tài chính của các nguồn vốn đầu tư; các nhà thầu;
- Đối với các Dự án đầu tư của xã, ngoài các nội dung phải công khai như đối với mọi dự án đầu tư và đối với Dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước, chủ đầu tư có trách nhiệm công khai các quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;
- Đối với các Dự án đầu tư từ nguồn vốn khác, ngoài các nội dung phải công khai theo quy định với mọi dự án đầu tư, chủ đầu tư có trách

nhiệm công khai hoá về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy phép kinh doanh (nếu có);

- Trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin theo quy định phải công khai và quy định của pháp luật khi cộng đồng yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ việc GSĐTCCĐ.

4. Trách nhiệm của nhà thầu

- Trả lời, giải trình, cung cấp các thông tin về dự án thuộc phạm vi trách nhiệm theo quy định của pháp luật khi cộng đồng yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp phục vụ cho việc GSĐTCCĐ.

CÂU HỎI:

Câu 1. Việc lập dự toán, phân bổ, thực hiện và quyết toán kinh phí cho các hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ được thực hiện như thế nào?

Câu 2. Kinh phí phục vụ hoạt động của Ban TTND và Ban GSĐTCCĐ được sử dụng để chi cho những nội dung gì?

Câu 3. Những cơ quan, tổ chức nào chịu trách nhiệm chính trong việc bảo đảm hoạt động của Ban TTND và trách nhiệm cụ thể của cơ quan, tổ chức đó?

Câu 4. Những cơ quan, tổ chức nào chịu trách nhiệm chính trong việc bảo đảm hoạt động của Ban GSĐTCCĐ và trách nhiệm cụ thể của cơ quan, tổ chức đó?

Cẩm nang hoạt động Giám sát dành cho Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng ở xã, phường, thị trấn.

THANH TRA CHÍNH PHỦ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội
Điện thoại: 04 38515380; Fax: 04 38515381
Email: info@nxblaodong.com.vn
Website: www.nxblaodong.com.vn

CHI NHÁNH PHÍA NAM

Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1,
Tp Hồ Chí Minh
ĐT: 08 38390970; Fax: 08 39257205

Chịu trách nhiệm xuất bản:

VÕ THỊ KIM THANH

Biên tập viên NXB : Mai Thị Thanh Hằng
Trình bày : Phạm Thị Minh Thoa
Bìa : Nguyễn Bá Chiến
Sửa bản in : Nguyễn Duy Cường

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công ty CP Truyền Thông Đa Phương Tiện Thiên An
Địa chỉ: Lô 4 KTT bệnh viện y học cổ truyền, bộ công an,
P.Khuong Đình, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

In 6.750 cuốn, khổ 12,5x20,5cm, tại Công ty CP Truyền Thông Đa Phương Tiện Thiên An, Địa chỉ: Lô 4 KTT bệnh viện y học cổ truyền, bộ công an, P.Khuong Đình, Q.Thanh Xuân, Hà Nội. Số xác nhận ĐKXB: 983-2016/CXBIPH/20-67/LĐ. Số quyết định: 394/QĐ-NXBLĐ ngày 07/04/2016 Mã ISBN: 978-604-59-6145-2
In xong và nộp lưu chiểu Quý 2 năm 2016



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 175 Giảng Võ - Hà Nội

Điện thoại: 04 3851 5380; Fax: 04 3851 5381

Email: info@nxblaodong.com.vn

Website: www.nxblaodong.com.vn

Sách không bán